

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TQ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 23/8/2025

*“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TQ

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Hoàng Thị Dên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh TQ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh TQ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2025/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2025, về việc *“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST – HNGĐ ngày 29/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã TT, tỉnh TQ (địa chỉ chưa sáp nhập: Thôn B, xã TT, huyện SD, tỉnh TQ).

- Bị đơn: Anh Hoàng Trọng D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã TT, tỉnh TQ (địa chỉ chưa sáp nhập: Thôn B, xã TT, huyện SD tỉnh TQ); chỗ ở hiện nay: Đài Loan - Trung Quốc (không rõ địa chỉ).

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trọng D đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2008, đăng ký tại UBND xã Tuấn Lộ, huyện SD, tỉnh TQ (nay là Ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh TQ), đăng ký kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị sống cùng gia đình nH anh D tại xã Thiện Kế (cũ) nay là xã ST được thời gian ngắn, sau đó chuyển đến làm ăn sinh sống tại xã TT. Thời gian đầu vợ

chồng số hạnh phúc bình thường, đến năm 2020 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do hai bên luôn bất đồng về quan điểm, lối sống, quan điểm làm ăn kinh tế, năm 2013 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), năm 2016 cả chị và anh D cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan – Trung Quốc, nhưng vợ chồng không hợp nhau nên hiện nay chị và anh D mỗi người sống một nước, anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện vợ chồng chị không còn yêu thương nhau, quý trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TQ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Trọng D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu T và cháu H vì hiện nay anh D không có ở nH. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định, chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Trọng D hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài (Đài Loan - Trung Quốc): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh TQ đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D thông qua bà Đoàn Thị N là mẹ đẻ của anh D và chị Bùi Thị P tại Việt Nam, tuy nhiên bà N và chị P không thông báo được hết tất cả các tài liệu cho anh D, anh D không cho chị L, gia đình và địa phương biết địa chỉ nơi hiện đang sống và làm việc ở nước ngoài, chị L, gia đình và địa phương hiện không nắm được địa chỉ bên nước ngoài của anh D, chị L, gia đình yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Tại công văn số 485/QLXNC-Đ1 ngày 15/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh TQ, xác định: Công dân Hoàng Trọng D, sinh ngày 05/9/1989, đã sử dụng hộ chiếu số B8279873, Q00327566 xuất, nhập cảnh qua Sân bay quốc tế Nội Bài, H Nội nhiều lần, trong đó lần xuất cảnh gần nhất ngày 14/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do anh D đang sinh sống, lao động ở nước ngoài (Đài Loan - Trung Quốc) và chị L không yêu cầu hòa giải, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Anh

Hoàng Trọng D đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, anh D không cung cấp địa chỉ bên nước ngoài cho chị L, gia đình, địa phương nên chị L, gia đình và địa phương không nắm được địa chỉ chỗ tạm trú, nơi làm việc của anh D, Tòa án đã niêm yết các tài liệu theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh TQ tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh D là có căn cứ và đúng thẩm quyền theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của chị Bùi Thị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh D không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện mỗi người ở một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Hoàng Trọng D. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 11/4/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, về nợ chung chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Trọng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2008, đăng ký tại UBND xã Tuấn Lộ, huyện SD, tỉnh TQ (nay là Ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh TQ), Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 01/12/2008 - là hôn nhân hợp pháp. Anh Hoàng Trọng D hiện đang sinh sống, lao động ở nước ngoài (Đài Loan – Trung Quốc), theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Hoàng Trọng D hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình để thăm hỏi bố mẹ và các con. Gia đình anh D xác định, anh D đang lao động và sinh sống tại Đài Loan - Trung Quốc, nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh D. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D thông qua người thân, nhưng gia đình không tổng đạt được cho anh D thường xuyên và kịp thời vì anh D không cung cấp địa chỉ ở nước ngoài cho gia đình và địa phương biết nên gia đình, địa phương không nắm được địa chỉ chỗ tạm trú, nơi làm việc của anh D, Tòa án đã niêm yết các tài liệu theo quy định của pháp luật. Tại công văn số 485/QLXNC-Đ1 ngày 15/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh TQ, xác định: Công dân Hoàng Trọng D, sinh ngày 05/8/1989, đã sử dụng hộ chiếu số B8279873, Q00327566 xuất, nhập cảnh qua Sân bay quốc tế Nội Bài, H Nội nhiều lần, chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh D là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Trọng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2008 UBND xã Tuân Lộ, huyện SD, tỉnh TQ (nay là Ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh TQ), Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 01/12/2008 - là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L, anh D sống cùng gia đình nH anh D ở xã Thiện Kế (nay là xã ST) một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng chị chuyển lên làm ăn sinh sống tại xã TT. Thời gian đầu vợ chồng số hạnh phúc bình thường, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do hai bên luôn bất đồng về quan điểm, lối sống, quan điểm làm ăn kinh tế, chị L và anh D sống ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên. Hiện nay giữa chị L và anh D mỗi người ở một nước khác nhau. Như vậy, vợ chồng chị L, anh D mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh D.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống L và anh D có 02 con chung là cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 11/4/2014. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay anh D đang ở nước ngoài. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, cháu T và cháu H đều trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với chị L. Qua xác minh,

thu thập chứng cứ, chị L có thu nhập khoảng 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng và chỗ ở ổn định (Có 01 ngôi nhà xây 03 tầng). Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con chị L, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Hoàng Trọng T và cháu Hoàng Ngọc H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về nợ chung, chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Hoàng Trọng D không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Trọng D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Hoàng Trọng D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 23/10/2009 và cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 11/4/2014 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Trọng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, chị L xác định không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008189005906 ngày 10/6/2025 của Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 27 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi Hinh án dân sự tỉnh TQ. Chị Bùi Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Trọng D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1, TANDTC tại H Nội;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC tại H Nội;
- VKSND tỉnh TQ;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã TT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh Hoàng Thị Dên

Ma Hồng Thắng

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1, TANDTC tại H Nội;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC tại H Nội;
- VKSND tỉnh TQ;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã TT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh Hoàng Thị Dên

Ma Hồng Thắng